

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO
(Tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thuận)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản Bình Thuận Hamico (Tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thụ) (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thanh	Ủy viên
Ông Võ Ngọc Linh	Ủy viên
Ông Vũ Tuấn Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 15, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010

Số. 133/BCKT 2010 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico
(Tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thu)

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần khoáng sản Bình Thuận Hamico

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần khoáng sản Bình Thuận Hamico (Tiền thân là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thu) (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 15. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc

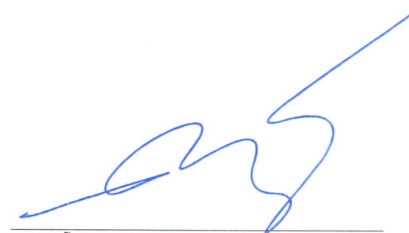
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2010



Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.626.688.361	5.436.570.428
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	755.641.212	2.160.106.564
1. Tiền	111		755.641.212	2.160.106.564
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		2.696.959.088	3.145.959.087
1. Phải thu khách hàng	131		2.696.959.088	3.145.959.087
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		174.088.061	130.504.777
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		174.088.061	129.504.777
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	1.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		10.195.489.017	860.470.323
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.143.252.220	813.169.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	2.143.252.220	813.169.393
- Nguyên giá	222		2.395.790.615	867.810.476
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(252.538.395)	(54.641.083)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	7	8.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		52.236.797	47.300.930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	52.236.797	47.300.930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.822.177.378	6.297.040.751

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.089.042.548	458.622.364
I. Nợ ngắn hạn	310		3.548.378.248	203.830.464
2. Phải trả người bán	312		3.523.753.539	184.090.889
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	24.624.709	19.739.575
II. Nợ dài hạn	330		540.664.300	254.791.900
4. Vay và nợ dài hạn	334	10	540.664.300	254.791.900
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		9.733.134.830	5.838.418.387
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	11	9.733.134.830	5.838.418.387
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		9.600.000.000	5.760.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		133.134.830	78.418.387
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		13.822.177.378	6.297.040.751



Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010

mmel

Ngô Đình Hoàng Đức
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	20.893.621.506	17.471.618.107
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		20.893.621.506	17.471.618.107
4. Giá vốn hàng bán	11	13	19.703.102.802	16.995.294.230
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.190.518.704	476.323.877
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		-	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		170.777.066	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		909.861.810	401.325.395
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		109.879.828	74.998.482
11. Thu nhập khác	31		384.276.190	-
12. Chi phí khác	32		418.160.958	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	14	(33.884.768)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		75.995.060	74.998.482
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		21.278.617	20.999.575
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	15	54.716.443	53.998.907


 Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc
 Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010


 Ngô Đình Hoàng Đức
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		75.995.060	74.998.482
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		252.538.395	52.059.919
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		328.533.455	127.058.401
- (Tăng) giảm các khoản phải thu	9		448.999.999	(3.262.058.116)
- (Tăng) giảm hàng tồn kho	10		-	450.590.000
- Tăng (giảm) các khoản phải trả	11		3.339.662.650	184.090.889
- (Tăng) giảm chi phí trả trước	12		(4.935.867)	(47.300.930)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(16.393.483)	(10.243.111)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(17.205.600)	(90.929.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.078.661.154	(2.648.792.420)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.967.569.667)	(844.580.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		358.570.761	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.608.998.906)	(844.580.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.840.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		363.372.000	300.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.499.600)	45.208.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.125.872.400	345.208.100
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.404.465.352)	(3.148.164.320)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.160.106.564	5.308.270.884
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		755.641.212	2.160.106.564



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010

Ngô Đình Hoàng Đức
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Bảo Thuận, là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 4702002159 ngày 18 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Vốn Điều lệ của Công ty là 5.760.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 11 năm 2008 tăng vốn Điều lệ lên 9.600.000.000 đồng.

Từ ngày 18 tháng 04 năm 2006 đến ngày 04 tháng 11 năm 2009 là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thuận. Từ ngày 05 tháng 11 năm 2009 đến nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico theo giấy Đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp với vốn Điều lệ là 56.880.000.000 đồng.

Công ty chuyển đổi Đăng ký kinh doanh số 3600802882 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận tăng vốn Điều lệ lên 86.668.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 05 năm 2010 tăng vốn Điều lệ lên 128.688.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico đặt tại: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch; San lấp mặt bằng; Mua bán nguyên liệu gốm, sứ, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị phụ tùng xe cơ giới, phân bón, hoá chất; Mua bán lương thực thực phẩm, hàng nông lâm thủy sản; Mua bán bột đá, bột kaolin, bột cát, bột đất sét đã qua chế biến; Mua bán máy móc ngành nông, ngư nghiệp; Mua bán đất sét, kaolin, kim loại, quặng kim loại; Sàng, lọc, rửa cát; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống; Trồng cây hàng năm, lâu năm; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Khai thác đất; Bốc xếp hàng hoá; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (đại lý vận tải biển); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn máy móc, thiết bị (thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền; Khai thác, chế biến khoáng sản; Nạo vét, khai thông luồng lạch; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Cho thuê xe cơ động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển); Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa; Đầu tư tài chính; Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng dân dụng và khu công nghiệp; Gia công cơ khí.

Cơ cấu tổ chức

Công ty con do Công ty nắm giữ 80% vốn Điều lệ: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Bảo Thuận vốn Điều lệ 30.000.000.000 đồng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay, ủy thác quản lý vốn với thời hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho" và Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính của Công ty. Giá trị quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền. Giá trị phần mềm kế toán được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.8 Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4.9 Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.11 Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản trả trước dài hạn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời hạn không quá 2 năm.

4.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.15 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tiền mặt	755.641.212	2.160.106.564
Cộng	755.641.212	2.160.106.564

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Machinery, equipment VND	Intangible assets, goodwill VND	Fixed assets, net of depreciation VND	Total VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 31/12/2007	360.000.000	471.580.000	36.230.476	867.810.476
Tăng trong năm	1.415.352.524	537.560.000	14.657.143	1.967.569.667
Mua trong năm	1.415.352.524	537.560.000	14.657.143	1.967.569.667
Giảm trong năm	439.589.528	-	-	439.589.528
Thanh lý, nhượng bán	439.589.528	-	-	439.589.528
Số dư tại 31/12/2008	1.335.762.996	1.009.140.000	50.887.619	2.395.790.615
GIÁ TRỊ HẠO MÔN LŨY KẾ				
Số dư tại 31/12/2007	8.571.428	31.438.668	14.630.987	54.641.083
Tăng trong năm	132.131.652	65.836.778	21.357.452	219.325.882
Khấu hao trong năm	132.131.652	65.836.778	21.357.452	219.325.882
Giảm trong năm	21.428.570	-	-	21.428.570
Thanh lý, nhượng bán	21.428.570	-	-	21.428.570
Số dư tại 31/12/2008	119.274.510	97.275.446	35.988.439	252.538.395
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 31/12/2007	351.428.572	440.141.332	21.599.489	813.169.393
Tại 31/12/2008	1.216.488.486	911.864.554	14.899.180	2.143.252.220

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICOKhu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***7. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghiệp Bảo Thu (*)	8.000.000.000	-
Cộng	8.000.000.000	-

(*) Năm 2008 Công ty đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo thu với tỷ lệ 80% trên số vốn Điều lệ 30.000.000.000 đồng, số tiền thực góp trong năm là 8.000.000.000 đồng.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Số dư tại 01/01	47.300.930	-
<i>Tăng trong năm</i>	<i>229.909.690</i>	<i>64.736.911</i>
<i>Kết chuyển chi phí trong năm</i>	<i>224.973.823</i>	<i>17.435.981</i>
Số dư tại 31/12	52.236.797	47.300.930

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.624.709	19.739.575
Cộng	24.624.709	19.739.575

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICOKhu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***10. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Biển Hoà	363.372.000	-
Hợp đồng tín dụng từng lần số 08011XE -18 ngày 25/9/2008. Số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên hàng quý. Mục đích sử dụng tiền vay mua xe ô tô Ford. Tài sản đảm bảo hình thành từ khoản vay.	363.372.000	-
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - PGD Biển Hoà	177.292.300	254.791.900
Hợp đồng tín dụng số 568 ngày 18/5/2007. Số tiền vay 310.000.000 đồng, lãi suất năm đầu 1,1%/tháng, các năm tiếp theo lãi suất điều chỉnh 6 tháng 1 lần, thời hạn vay 48 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là 01 chiếc ô tô Chevrolet.	177.292.300	254.791.900
Cộng	540.664.300	254.791.900

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại 31/12/2006	5.760.000.000	24.419.480	5.784.419.480
Tăng trong năm	-	53.998.907	53.998.907
Lãi	-	53.998.907	53.998.907
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2007	5.760.000.000	78.418.387	5.838.418.387
Số dư tại 31/12/2007	5.760.000.000	78.418.387	5.838.418.387
Tăng trong năm	3.840.000.000	54.716.443	3.894.716.443
Tăng vốn	3.840.000.000	-	3.840.000.000
Lãi	-	54.716.443	54.716.443
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	9.600.000.000	133.134.830	9.733.134.830

Chi tiết vốn Đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Ông Nguyễn Văn Dũng	4.800.000.000	5.760.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai	4.800.000.000	-
Cộng	9.600.000.000	5.760.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***12. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng	20.893.621.506	17.471.618.107
Cộng	20.893.621.506	17.471.618.107

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	19.703.102.802	16.995.294.230
Cộng	19.703.102.802	16.995.294.230

14. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thu nhập khác		
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	384.276.190	-
Cộng	384.276.190	-
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	418.160.958	-
Cộng	418.160.958	-
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(33.884.768)	-

15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	75.995.060	74.998.482
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	75.995.060	74.998.482
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.278.617	20.999.575
Cộng	54.716.443	20.999.575

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico theo giấy Đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp với vốn Điều lệ là 56.880.000.000 đồng.

Công ty chuyển đổi Đăng ký kinh doanh số 3600802882 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận tăng vốn Điều lệ lên 86.668.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 05 năm 2010 tăng vốn Điều lệ lên 128.688.000.000 đồng.

17. SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2010



Ngô Đình Hoàng Đức
Kế toán trưởng

